

Số: 35/QĐ-CĐKTKT-ĐT

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên K13
hệ Cao đẳng chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ
Đợt tháng 01/2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT

Căn cứ Quyết định số 4507/QĐ-BGD-ĐT ngày 18/8/2005 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc thành lập Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật thuộc ĐHTN;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh xã hội quy định về Điều lệ trường Cao đẳng;

Căn cứ thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 13/03/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH quy định về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 654/QĐ-CĐKTKT-ĐT ngày 12/9/2018 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật về việc cụ thể hóa quy chế đào tạo Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ kết luận của Hội đồng xét tốt nghiệp về kết quả xét tốt nghiệp cho K13 cao đẳng đào tạo tại trường ngày 13 tháng 01 năm 2020;

Theo đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo - QLKH&HTQT và Ông Trưởng phòng Công tác HSSV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và công nhận danh hiệu Kỹ sư thực hành 74 sinh viên K13 (khóa học 2017 -2020) hệ Cao đẳng chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ do đã hoàn thành chương trình đào tạo, đạt chứng chỉ GDQP, chứng chỉ ngoại ngữ A2, chứng chỉ tin học IC3. ✓

Không công nhận tốt nghiệp đối với 41 sinh viên K13 thuộc khóa đào tạo trên do chưa hoàn thành chương trình đào tạo, nợ các loại chứng chỉ theo quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo - QLKH&HTQT, Trưởng phòng Công tác HSSV, Kế toán trưởng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên trong danh sách kèm theo Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận

- Như điều 2;
- BGH (báo cáo);
- Phòng TH (đưa lên website);
- Lưu VT, P.ĐT-KH&QHQT.



TS. Ngô Xuân Hoàng

DANH SÁCH SINH VIÊN K13 ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

HỆ CAO ĐẲNG ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

(Kèm theo Quyết định số: 85/QĐ-CDKTKT-ĐT, ngày 14 tháng 01 năm 2020)

Lớp: K13 CD-Điện CN - Ngành Điện Công nghiệp

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTLTK		Xếp loại TN	Ghi chú
						Điểm hệ 10	Điểm hệ 4		
1	CDT12021765202270013	Phùng Văn	Bình	17/03/1998	84	6.54	2.24	Trung bình	
2	CDT12021765202270018	Lý Lê	Cà	01/01/1999	84	6.51	2.2	Trung bình	
3	CDT12021765202270019	Chu Khử	Chóng	19/10/1999	84	6.57	2.31	Trung bình	
4	CDT12021765202270020	Nguyễn Đình	Dương	16/09/1999	84	6.39	2.14	Trung bình	
5	CDT12021765202270016	Lý Quang	Hùng	17/10/1999	84	7.66	3.1	Khá	
6	CDT12021765202270002	Nguyễn Văn	Hưng	23/09/1997	84	6.41	2.14	Trung bình	
7	CDT12021765202270015	Chu Văn	Hướng	07/08/1995	84	7.77	3.23	Giỏi	
8	CDT12021765202270022	Nguyễn Văn	Ngọc	30/07/1999	84	6.58	2.18	Trung bình	
9	CDT12021765202270007	La Đức	Thắng	04/09/1999	84	7.44	2.95	Khá	
10	CDT12021765202270014	Dương Văn	Vũ	30/08/1998	84	6.75	2.4	Trung bình	

Danh sách ấn định: 10 sinh viên

Trong đó:

Giỏi 1
Khá 2
Trung bình 7

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



PGS.TS Nguyễn Văn Bình

Ngày tháng 01 năm 2020
Người lập



Kiều Thị Thanh Huyền

**DANH SÁCH SINH VIÊN K13 CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP
HỆ CAO ĐẲNG ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ**

(Kèm theo Quyết định số: 35 /QĐ-CDKTKT-ĐT, ngày 14 tháng 01 năm 2020)

Lớp: K13 CD-Điện CN - Ngành Điện Công nghiệp



STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTL	Điểm hệ 4	Lý do
1	Ma	Thế Anh	14/08/1999	79	5.82	1.76	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (79/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(79/84: Chính trị 1-POL131 (3.80), Điều khiển điện khí nén-PNE331 (0)); ĐTK HE4 = 1.76
2	Nguyễn	Văn Hoài	09/02/1999	72	5.85	2	điểm), Vật liệu điện-ELM211 (0), Khí cụ điện-ELI221 (0), Vẽ điện-DEE231 (0), Mạch điện-ELC231 (0), Điện tử cơ bản-BET221 (0))]
3	Nguyễn	Viết Hùng	06/06/1999	80	6.46	2.18	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (80/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(80/84: PLC nâng cao-APS341 (2.50))]
4	Nguyễn	Khánh Linh	10/08/1999	82	6.47	2.25	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (82/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(82/84: Truyền động điện-ELD321 (0))]
5	Phương	Văn Nghĩa	25/07/1999	80	6.91	2.51	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (80/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(80/84: PLC nâng cao-APS341 (2.10)); chứng chỉ CCTHIC3 chưa đạt
6	Nguyễn	Văn Nguyên	28/11/1998	69	5.57	1.89	điểm), Tin học-GIF131 (4.70), Vật liệu điện-ELM211 (0), Khí cụ điện-ELI221 (0), Vẽ điện-DEE231 (0), Mạch điện-ELC231 (0), Điện tử cơ bản-BET221 (0)); ĐTK HE4 = 1.89
7	Viên	Đức Quang	16/09/1995	76	6.2	2.1	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (76/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(76/84: Chính trị 1-POL131 (3.60), PLC nâng cao-APS341 (0), Điện tử công suất (ĐCN)-POE321(MĐ) (3.60))]
8	Lê	Hoàng Sơn	20/09/1998	72	5.95	2.06	điểm), Vật liệu điện-ELM211 (0), Khí cụ điện-ELI221 (0), Vẽ điện-DEE231 (0), Mạch điện-ELC231 (0), Điện tử cơ bản-BET221 (0))]
9	Vi	Văn Thiện	17/07/1996	43	5.84	1.96	điểm), Pháp luật-LAW121 (chưa có điểm), Tin học-GIF131 (chưa có điểm), Tiếng Anh 1 (DN)-FOL131 (chưa có điểm), Kỹ thuật lắp đặt điện-EIL341 (chưa có điểm), Máy điện 1-ELM381 (chưa có điểm), Cung cấp điện-
10	Nông	Quang Tùng	24/11/1997	82	5.99	1.88	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (82/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(82/84: Truyền động điện-ELD321 (0)); ĐTK HE4 = 1.88

Danh sách ấn định: 10 sinh viên

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

PGS.TS Nguyễn Văn Bình

Ngày tháng 01 năm 2020
Người lập

Kiều Thị Thanh Huyền

**DANH SÁCH SINH VIÊN K13 ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
HỆ CAO ĐẲNG ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ**

(Kèm theo Quyết định số: 35/QĐ-CDKTKT-ĐT, ngày 14 tháng 01 năm 2020)

Lớp: K13 CD-Điện - ĐT - Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTLTK		Xếp loại TN	Ghi chú
						Điểm hệ 10	Điểm hệ 4		
1	CDT12021765103030366	Trần Xuân	Bách	15/01/1998	84	6.76	2.38	Trung bình	
2	CDT12021765103030035	Đặng Hoàng	Doanh	05/10/1997	84	6.68	2.3	Trung bình	
3	CDT12021765103030020	Trần Văn	Đông	15/01/1999	84	8.18	3.39	Giỏi	
4	CDT12021765103030046	Hoàng Văn	Được	07/06/1999	84	6.26	2.12	Trung bình	
5	CDT12021765103030043	Hà Ngọc	Giang	24/09/1999	84	6.78	2.44	Trung bình	
6	CDT12021765103030025	Dương Văn	Hảo	16/03/1999	84	6.36	2.1	Trung bình	
7	CDT12021765103030038	Riêu Ngọc	Hùng	04/05/1999	84	6.41	2.26	Trung bình	
8	CDT12021765103030070	Triệu Văn	Hùng	20/03/1999	84	7.44	2.82	Khá	
9	CDT12021765103030013	Lý Văn	Huy	18/09/1999	84	7.08	2.64	Khá	
10	CDT12021765103030072	Ngô Thị Thu	Huyền	24/09/1999	84	7.56	2.88	Khá	
11	CDT12021765103030055	Dương Đình	Khánh	21/06/1996	84	6.61	2.37	Trung bình	
12	CDT12021765103030047	Lý Đoàn	Khuê	15/02/1999	84	7.04	2.58	Khá	
13	CDT12021765103030054	Ngô Văn	Linh	16/08/1999	84	6.59	2.32	Trung bình	
14	CDT12021765103030001	Nguyễn T. Thanh	Loan	22/04/1999	84	7.84	3.19	Khá	
15	CDT12021765103030026	Lưu Đình	Luân	03/06/1998	84	7.13	2.71	Khá	
16	CDT12021765103030067	Triệu Văn	Luận	13/05/1997	84	7.64	3.07	Khá	
17	CDT12021765103030005	Nguyễn Văn	Nam	10/09/1996	84	6.46	2.18	Trung bình	
18	CDT12021765103030008	Ôn Văn	Ngọc	29/07/1999	84	7.86	3.2	Giỏi	
19	CDT12021765103030078	Lê Văn	Quang	25/05/1999	84	6.77	2.32	Trung bình	

DANH SÁCH SINH VIÊN K13 CHƯA ĐU ĐỀU ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

HỆ CAO ĐẲNG ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

(Kèm theo Quyết định số: 35 /QĐ-CDKTKT-ĐT, ngày 14 tháng 01 năm 2020)

Lớp: K13 CD-Điện -ĐT - Ngành Điện Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử

STT	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Số TCT L	Điểm TBC TL	Điểm hệ 4	Lý do
1	Nguyễn Văn	Đạt	16/10/1999	77	5.98	1.77	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (77/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(77/84: Kỹ thuật vi xử lý (N)-MPE331 (3.90), Thực hành chuyên môn PLC và biến tần-EEP441 (3.80)); ĐTK HE4 = 1.77
2	Hứa Văn	Hiếu	29/09/1999	74	5.56	1.55	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (74/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(74/84: Bài tập lớn Tổng hợp hệ điện cơ-PEM311 (2), Đồ án cung cấp điện-ESP321 (2.80), Kỹ thuật vi xử lý (N)-MPE331 (3.90), Thực hành chuyên môn PLC và biến tần-EEP441 (3.20)); ĐTK HE4 = 1.55; chứng chỉ CCGDQP chưa đạt
3	Nguyễn Minh	Hiếu	28/09/1999	83	6.57	2.29	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (83/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(83/84: Bài tập lớn Tổng hợp hệ điện cơ-PEM311 (3))]
4	Nguyễn Văn	Hòa	19/12/1999	61	4.98	1.38	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (61/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(61/84: Bài tập lớn Tổng hợp hệ điện cơ-PEM311 (2), Kỹ thuật điện tử 1(N)-EER231 (3.90), Lý thuyết điều khiển tự động-TAC321 (0.70), Đồ án cung cấp điện-ESP321 (1.80), Auto CAD-CAD211 (1.20), Máy điện-EMA231 (3.80), Cung cấp điện (N)-PWS331 (2), Kỹ thuật vi xử lý (N)-MPE331 (2.70), Thực hành chuyên môn PLC và biến tần-EEP441 (1.40)); ĐTK HE4 = 1.38
5	Nguyễn Duy	Hoàng	24/08/1999	64	5.21	1.49	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (64/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(64/84: Lý thuyết điều khiển tự động-TAC321 (1.90), Tin học-GIF131 (4.80), Kỹ thuật vi xử lý (N)-MPE331 (1.20), Thực hành chuyên môn PLC và biến tần-EEP441 (1.80), Thực hành kỹ thuật điện tử 2 (N)-EER442 (3.50), Thực tập tốt nghiệp và trải nghiệm(Đ-ĐT)-EET451 (3.20)); ĐTK HE4 = 1.49
6	Nông Văn	Hùng	25/10/1999	81	6.2	2.06	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (81/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(81/84: Kỹ thuật vi xử lý (N)-MPE331 (2.70))]
7	Dương Văn	Huy	26/01/1999	76	6.23	2.01	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (76/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(76/84: Bài tập lớn Tổng hợp hệ điện cơ-PEM311 (3), Kỹ thuật vi xử lý (N)-MPE331 (3.50), Thực hành chuyên môn PLC và biến tần-EEP441 (3.60))]
8	Nguyễn Văn	Kiên	06/01/1999	79	5.96	2.05	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (79/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(79/84: Pháp luật-LAW121 (0), Tin học-GIF131 (0))]
9	Đặng Văn	Mạnh	17/07/1999	83	6.32	2.18	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (83/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(83/84: Bài tập lớn Tổng hợp hệ điện cơ-PEM311 (2))]
10	Nguyễn Văn	Thiệt	25/07/1999	67	5.75	1.81	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (67/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(67/84: Toán chuyên ngành điện-AMA321 (3.40), Pháp luật-LAW121 (0), Tin học-GIF131 (0), Kỹ thuật vi xử lý (N)-MPE331 (3.80), Thực hành chuyên môn PLC và biến tần-EEP441 (3.80), Thực hành kỹ thuật điện tử 2 (N)-EER442 (3.50)); ĐTK HE4 = 1.81
11	Lý Văn	Trọng	19/05/1999	72	5.31	1.58	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (72/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(72/84: Đồ án cung cấp điện-ESP321 (0.40), Vẽ kỹ thuật 1-EDR221 (1.40), Tin học-GIF131 (5.20), Kỹ thuật vi xử lý (N)-MPE331 (0), Thực hành hàn, tiện-EET421 (1.50)); ĐTK HE4 = 1.58; chứng chỉ CCGDQP chưa đạt
12	Nguyễn Quang	Trung	10/10/1999	81	6.24	2.13	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (81/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(81/84: Toán chuyên ngành điện-AMA321 (3), Auto CAD-CAD211 (0.90))]

13	Nguyễn Quang	Trung	12/06/1998	60	4.48	1.1	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (60/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(60/84: Lý thuyết điều khiển tự động-TAC321 (1.60), Đồ án cung cấp điện-ESP321 (0.40 0), Vẽ kỹ thuật 1-EDR221 (3.40), Auto CAD-CAD211 (0.80), Bài tập cơ sở kỹ thuật điện-PEL211 (1.40), Cung cấp điện (N)-PWS331 (3.30), Kỹ thuật vi xử lý (N)-MPE331 (0), Thực hành hàn, tiện-EET421 (1.50), Thực tập tốt nghiệp và trải nghiệm(Đ-ĐT)-EET451 (2), Cơ sở kỹ thuật điện-EEL231 (1.80))]; ĐTK HE4 = 1.10; chứng chỉ CCTHIC3 chưa đạt; chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt
14	Nguyễn Thông	Tuấn	22/03/1999	79	5.81	1.82	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (79/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(79/84: Toán chuyên ngành điện-AMA321 (3.80), Thực hành kỹ thuật điện tử 2 (N)-EER442 (3.20))]; ĐTK HE4 = 1.82; chứng chỉ CCGDTC chưa đạt

Danh sách ấn định: 14 sinh viên

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



PGS.TS Nguyễn Văn Bình

Ngày tháng 01 năm 2020
Người lập



Kiều Thị Thanh Huyền

**DANH SÁCH SINH VIÊN K13 CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP
HỆ CAO ĐẲNG ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ**

(Kèm theo Quyết định số: 35/QĐ-CDKTKT-ĐT, ngày 14 tháng 01 năm 2020)

Lớp: K13 CD-Cơ khí - Ngành công nghệ kỹ thuật cơ khí

STT	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTL	Điểm hệ 4	Lý do
1	Nguyễn Cường	Duy	21/04/1999	78	6.42	2.23	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (78/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(78/84: Công nghệ gia công CNC 1-TMC321 (3.80), Công nghệ gia công CNC 2-MTC342 (0.40))]
2	Trần Trường	Giang	18/05/1988	46	6.3	2.45	Sinh viên học liên thông còn nợ môn GDQP
3	Hoàng Văn	Hải	20/08/1999	78	6.33	2.17	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (78/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(78/84: Công nghệ gia công CNC 1-TMC321 (3.20), Công nghệ gia công CNC 2-MTC342 (1))]

Danh sách ấn định: 03 sinh viên

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

PGS.TS Nguyễn Văn Bình

Ngày tháng 01 năm 2020
Người lập

Kiều Thị Thanh Huyền

**DANH SÁCH SINH VIÊN K13 ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
HỆ CAO ĐẲNG ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ**

(Kèm theo Quyết định số: 35 /QĐ-CDKTKT-ĐT, ngày 14 tháng 01 năm 2020)

Lớp: K13 CD - Ôtô - Ngành Công nghệ kỹ thuật Ôtô

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTLTK		Xếp loại TN	Ghi chú
						Điểm hệ 10	Điểm hệ 4		
1	CDT12021765102160003	Đinh Văn	Hiển	21/07/1999	84	7.8	3.02	Khá	
2	CDT12021765102160018	Lê Tuấn	Hoàng	27/07/1999	84	7.6	2.95	Khá	
3	CDT12021765102160014	Đỗ Văn	Quyền	20/10/1999	84	7.2	2.67	Khá	
4	CDT12021765102160022	Triệu Quang	Thành	20/01/1999	84	7.92	3.12	Khá	
5	CDT12021765102160016	Tạ Hữu	Thắng	04/11/1999	84	6.93	2.56	Khá	
6	CDT12021765102160001	Nguyễn Minh	Tú	12/11/1999	84	7.31	2.77	Khá	
7	CDT12021765102160017	Lý Văn	Tuyền	10/12/1997	84	7.27	2.7	Khá	
8	CDT12021765102160010	Lý Văn	Viên	28/09/1999	84	6.94	2.48	Trung bình	

Danh sách ấn định: 8 sinh viên

Trong đó:

Giỏi 0
Khá 7
Trung bình 1

TRƯỞNG BAN THỦ KÝ



PGS.TS Nguyễn Văn Bình

Ngày tháng 01 năm 2020
Người lập



Kiều Thị Thanh Huyền

**DANH SÁCH SINH VIÊN K13 CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP
HỆ CAO ĐẲNG ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ**

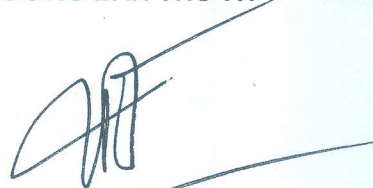
(Kèm theo Quyết định số: 35/QĐ-CDKTKT-ĐT, ngày 14 tháng 01 năm 2020)

Lớp: K13 CD- Ô tô - Ngành Công nghệ kỹ thuật Ô tô

STT	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTL	Điểm hệ 4	Lý do
1	Lưu Trường	An	01/11/1999	82	6.43	2.11	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (82/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(82/84: SC-BD hệ thống di chuyển-RSM321 (0))]; chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt
2	Nguyễn Hữu	Được	04/06/1999	84	6.68	2.33	chứng chỉ CCGDQP chưa đạt
3	Dương Đức	Huy	11/12/1999	84	7.57	2.88	chứng chỉ CCGDQP chưa đạt
4	Đào Văn	Nó	06/10/1997	84	7.23	2.76	chứng chỉ CCGDQP chưa đạt

Danh sách ấn định: 04 sinh viên

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



PGS.TS Nguyễn Văn Bình

Ngày tháng 01 năm 2020
Người lập



Kiều Thị Thanh Huyền

**DANH SÁCH SINH VIÊN K13 ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
HỆ CAO ĐẲNG ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ**

(Kèm theo Quyết định số: **35** /QĐ-CDKTKT-ĐT, ngày **14** tháng 01 năm 2020)

Lớp: K13 CD- TY - Ngành Chăn nuôi thú y

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTLTK		Xếp loại TN	Ghi chú
						Điểm hệ 10	Điểm hệ 4		
1	CDT12021766402030002	Diệp Tuấn	Anh	27/09/1989	84	6.52	2.2	Trung bình	
2	CDT12021766402030001	Quách Thị	Hằng	10/12/1999	84	7.93	3.2	Giỏi	
3	CDT12021766402030005	Trần Văn	Hoàng	01/05/1998	84	7.18	2.68	Khá	
4	CDT12021766402030012	Đinh Thị	Huệ	18/10/1996	84	7.66	2.88	Khá	
5	DTU131C3403010009	Nguyễn Hà	Linh	17/03/1993	84	7.73	3.04	Khá	
6	CDT12021766402030004	Bế Thị	Thúy	05/11/1999	84	7.54	2.83	Khá	
7	CDT12021766402030007	Hoàng Thị	Trang	20/10/1985	84	7.04	2.51	Khá	

Danh sách ấn định: 07 sinh viên

Trong đó:

Giỏi 1
Khá 5
Trung bình 1

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



PGS.TS Nguyễn Văn Bình

Ngày tháng 01 năm 2020
Người lập



Kiều Thị Thanh Huyền

**DANH SÁCH SINH VIÊN K13 CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP
HỆ CAO ĐẲNG ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ**

(Kèm theo Quyết định số: 35 /QĐ-CDKTKT-ĐT, ngày 14 tháng 01 năm 2020)

Lớp: K13 CD-Thú y - Ngành Chăn nuôi thú y

STT	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Số TCT L	Điểm TBC TL	Điểm hệ 4	Lý do
1	Dương Hữu	Anh	15/12/1999	80	6.05	1.85	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (80/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(80/84: Phương pháp thí nghiệm thú y-EMA221 (3.20), Sinh hóa động vật-ABS221 (3.60)); ĐTK HE4 = 1.85
2	Nguyễn Phúc	Đức	02/08/1997	67	5.79	1.77	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (67/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(67/84: Pháp luật-LAW121 (chưa có điểm), Tin học-GIF131 (0), Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho lợn-TTP381 (3.80), Sinh hóa động vật-ABS221 (3.60), Luật thú y-VEL221 (3.10)]; ĐTK HE4 = 1.77
3	Dương Văn	Hiếu	16/09/1999	82	6.33	2.15	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (82/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(82/84: Phương pháp thí nghiệm thú y-EMA221 (3.60))]
4	Trần Văn	Hoạch	13/12/1999	77	6.2	2.06	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (77/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(77/84: Tin học-GIF131 (4.20), Chẩn đoán và điều trị học thú y-DCA341 (3.70))]
5	Hoàng Việt	Hùng	14/12/1996	82	6.9	2.52	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (82/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(82/84: Giải phẫu vật nuôi-ADG221 (3.80))]
6	Ma Văn	Linh	10/12/1997	30	3.21	0.84	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (30/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(30/84: Vi sinh vật thú y-VSV332 (0), Thực tập tốt nghiệp và trải nghiệm-VEM451 (chưa có điểm), Phương pháp thí nghiệm thú y-EMA221 (3.60), Chính trị 1-POL131 (chưa có điểm), Pháp luật-LAW121 (chưa có điểm), Tin học-GIF131 (0), Vệ sinh thú y-LHY221 (0), Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho lợn-TTP381 (3.20), Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho chó mèo-TTD331 (0), Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho dê, thỏ-TTG331 (0), Tiếng Anh 1 (DN)-FOL131 (3.40), Sinh lý vật nuôi-ADS221 (chưa có điểm), Sinh hóa động vật-ABS221 (chưa có điểm), Toán ứng dụng-AMA121 (0), Dược lý thú y-PHA241 (0), Chẩn đoán và điều trị học thú y-DCA341 (0), Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi-ANF221 (chưa có điểm), Giải phẫu vật nuôi-ADG221 (chưa có điểm)); ĐTK HE4 = 0.84; chứng chỉ CCGDQP chưa đạt; chứng chỉ CCTHIC3 chưa đạt
7	Lý Quốc	Phòng	06/03/1999	69	5.72	1.74	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (69/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(69/84: Pháp luật-LAW121 (0), Tin học-GIF131 (0), Vệ sinh thú y-LHY221 (3.80), Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho lợn-TTP381 (3.80)); ĐTK HE4 = 1.74; chứng chỉ CCGDTC chưa đạt
8	Nguyễn Văn	Thiêm	11/03/1999	82	6.88	2.42	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (82/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(82/84: Phương pháp thí nghiệm thú y-EMA221 (3.80))]
9	Ngân Văn	Thọ	05/09/1999	80	6.19	1.94	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (80/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(80/84: Kiểm tra thịt và các súc sản phẩm khác-CMA341 (3.70)); ĐTK HE4 = 1.94

10	Dương Văn	Tươi	26/07/1994	78	6.61	2.37	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (78/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(78/84: Pháp luật-LAW121 (chưa có điểm), Dược lý thú y-PHA241 (0))]; chứng chỉ CCGDQP chưa đạt
----	-----------	------	------------	----	------	------	--

Danh sách ấn định:10 sinh viên

TRƯỞNG BAN THỦ KÝ



PGS.TS Nguyễn Văn Bình

Ngày tháng 01 năm 2020
Người lập



Kiều Thị Thanh Huyền